TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23-4-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM- TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Văn Phi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quang Thanh

Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 358/2018/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Ấp 6, xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Thôn S, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 9 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Văn H trình bày:

Về yêu cầu ly hôn: Ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị H1 tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 9 tháng 10 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên kình cãi nên mâu thuẫn ngày càng gay gắt; vợ chồng đã sống ly thân đã ba năm nay. Ông H nhận thấy tình cảm không còn, không muốn tiếp tục chung sống với bà H1 nên yêu cầu Tòa án cho ly hôn.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Ông H và bà H1 có 01 con chung là Phạm Nguyễn Bảo H2, sinh ngày 05/12/2012, con chung hiện tại đang sống với bà H1. Sau khi ly hôn ông H muốn bà H1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản khi ly hôn: Ông Phạm Văn H không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Về yêu cầu ly hôn: Bà Nguyễn Thị H1 và ông Phạm Văn H tự nguyện chung sống và kết hôn năm 2012 tại UBND xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước, đúng như ông H trình bày.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn không có tiếng nói chung. Từ năm 2014 đến nay vợ chồng đã ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Bà H1 nhận thấy không còn tình cảm, nay ông H yêu cầu ly hôn bà đồng ý.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà H1 và ông H có 01 con chung là Phạm Nguyễn Bảo H2, sinh ngày 05/12/2012, con đang sống với bà H1. Nếu ly hôn bà H1 yêu cầu được nuôi con chung và đồng ý với mức cấp dưỡng như ông H đưa ra là 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Phạm Văn H có đơn xin vắng mặt phiên hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về yêu cầu ly hôn: Ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị H1 tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước ngày 9 tháng 10 năm 2012 theo bản sao Trích lục kết hôn số 104/TLKH-BS ngày 16 tháng 8 năm 2018 của UBND xã T nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng về quan điểm nên vợ chồng không còn yêu thương và tôn trong nhau; thực tế vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người tự lo cuộc sống riêng không còn quan tâm tới nhau. Ông H yêu cầu được ly hôn với bà H1; bà H1cũng xác định không còn tình cảm với ông H. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của ông H và bà H1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị H1 có 01 con chung là Phạm Nguyễn Bảo H2, sinh ngày 05/12/2012. Xét thấy con chung đang do bà H1 chăm sóc, nuôi dưỡng; bà H1 cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung nên giao con chung cho bà H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về chia tài sản chung: Ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị H1 không yêu cầu nên không xét.

[5] Về án phí: Ông Phạm Văn H phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn H được ly hôn bà Nguyễn Thị H1.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung Phạm Nguyễn Bảo H2, sinh ngày 05/12/2012 cho bà Nguyễn Thị H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông Phạm Văn H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 (một triệu) đồng, thời điểm cấp dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về chia tài sản khi ly hôn: Ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị H1 được quyền khởi kiện vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Ông Phạm Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0004560 ngày 05/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lâm, ông Phạm Văn H phải nộp thêm 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

5. Bị đơn có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Quy định: Kể từ ngày bà Nguyễn Thị H1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Phạm Văn H chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy đinh tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Cam Lâm;
- Chi Cục THADS huyện Cam Lâm;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Phi